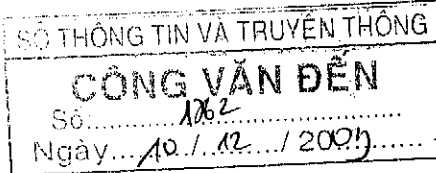


Số: **44** /2009/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tạm thời về các chính sách hỗ trợ
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về các chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ: Tài chính, TN & MT, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- UBMTTQ, các Đoàn thể tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: NC, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Thành Hiệp



QUY ĐỊNH TẠM THỜI
Về các chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **44** /2009/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định, áp dụng các chính sách hỗ trợ cho người có đất bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai; khoản 1, khoản 2 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; khoản 3 Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước sang công ty cổ phần; Điều 34, 35 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

2. Các chính sách hỗ trợ áp dụng tại Quy định này là các khoản hỗ trợ theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế (sau đây gọi chung là người bị thu hồi đất).

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Hỗ trợ di chuyển

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở, bị giải tỏa nhà ở mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ kinh phí để di chuyển như sau:

a. Mức hỗ trợ chung:

- Nhà ở bị giải tỏa có diện tích mặt bằng xây dựng dưới 50m² thì được hỗ trợ 1.500.000 đồng/hộ.

- Nhà ở bị giải tỏa có diện tích mặt bằng xây dựng từ 50m² đến 100m² thì được hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ.

- Nhà ở bị giải tỏa có diện tích mặt bằng xây dựng trên 100m² thì được hỗ trợ 4.500.000 đồng/hộ.

b. Đối với nhà xây dựng trên đất có nguồn gốc lấn chiếm, trên kênh rạch không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được xét hỗ trợ di chuyển với mức hỗ trợ thực hiện như quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này.

c. Trường hợp có nhà ở trên đất thuê, ở nhờ trên đất người khác: Ngoài việc được bồi thường về tài sản, còn được hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở với mức hỗ trợ thực hiện như quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này.

d. Trường hợp hộ bị ảnh hưởng đủ điều kiện ở lại trên phần đất chưa thu hồi hết (ổn định tại nơi ở cũ) thì được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ di chuyển nêu tại điểm a, khoản 1, Điều này.

2. Tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ kinh phí để tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Người bị thu hồi đất ở, giải tỏa nhà ở mà không còn chỗ ở khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư hoặc tự lo chỗ ở), nếu thực hiện bàn giao mặt bằng sớm theo đúng yêu cầu của nhà nước thì được bố trí vào nhà ở tạm hoặc được hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

- Hộ có từ 04 nhân khẩu trở xuống: 1.500.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có từ 05 nhân khẩu trở lên: 350.000 đồng/nhân khẩu/tháng.

Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà ở được tính là 06 tháng, áp dụng cho hộ tái định cư tập trung và hộ tự lo chỗ ở (tái định cư phân tán). Riêng đối với hộ được bố trí tái định cư tập trung, nếu quá thời hạn 06 tháng mà vẫn chưa bố trí được vào khu tái định cư, thì tùy tiến độ thi công mà Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ tính thêm thời gian hỗ trợ tạm cư với mức chi phí hỗ trợ nêu trên.

Quy định này được áp dụng cho tất cả đối tượng bị ảnh hưởng của dự án và phải di chuyển chỗ ở.

Điều 4. Hỗ trợ tái định cư

1. Giá trị một suất tái định cư tối thiểu gồm giá trị suất đầu tư hạ tầng, giá trị đất nền tái định cư và giá trị nhà.

Giá trị suất đầu tư tối thiểu là 120 triệu đồng. Giá trị suất đầu tư hạ tầng là 30 triệu đồng.

- Diện tích nền đất tái định cư khu vực đô thị là 80 m², khu vực nông thôn là 100 m².

2. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất, giải tỏa nhà ở mà không có chỗ ở nào khác thì được giao đất ở hoặc nhà ở tái định cư theo quy định.

Trường hợp khi nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất ở, nhà ở nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu nêu tại khoản 1, Điều này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch đó; trường hợp không nhận đất ở, nhà ở tái định cư thì được nhận bằng tiền tương đương với khoản chênh lệch đó.

3. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng **suất đầu tư hạ tầng** tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại khoản 2, Điều này. Giá trị hỗ trợ một suất đầu tư hạ tầng tối thiểu cho hộ gia đình, cá nhân tự lo chỗ ở là 30.000.000 đồng/hộ.

Điều 5. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp_khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao và đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP) thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định sau đây:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại các điểm a và b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

d) Thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ tại điểm a, khoản 1 Điều này.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh, mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh, thì được hỗ trợ bằng 30%

một (01) năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba (03) năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận.

- Trường hợp không thể xác định được thu nhập sau thuế theo quy định trên thì được hỗ trợ với mức 4.000.000 đồng/hộ đối với hộ có đăng ký kinh doanh (có đóng thuế môn bài hợp lệ trước thời điểm thu hồi đất).

- Hỗ trợ với mức 2.000.000 đồng/hộ đối với hộ sản xuất, kinh doanh tuy không có đóng thuế môn bài nhưng thực tế có đóng thuế khoán hàng tháng cho địa phương.

- Hỗ trợ với mức 1.000.000 đồng/hộ đối với hộ buôn bán nhỏ lẻ.

Trường hợp hộ sản xuất, kinh doanh đang hoạt động mà bị thu hồi đất, phải tháo dỡ một phần công trình, gây ảnh hưởng phải ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh tạm thời: được hỗ trợ với mức 50% các mức hỗ trợ quy định trên.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng giá đất bồi thường (theo mục đích sử dụng đất nông nghiệp) tính theo diện tích đất thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết 1126/2007/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định giá cây trồng vật nuôi, để tính bồi thường, hỗ trợ, biện pháp hỗ trợ sản xuất để ổn định đời sống sản xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Số tiền hỗ trợ được chi trả một lần sau khi có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở

1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương hoặc dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở của thửa đất đó; diện tích được hỗ trợ bằng 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương (1000 m² đối với đô thị, 1.500 m² đối với nông thôn), trường hợp diện tích thực tế bị thu hồi nhỏ hơn 05 lần hạn mức giao đất ở thì diện tích được hỗ trợ bằng diện tích thực tế bị thu hồi.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 20% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất của UBND tỉnh ban hành hàng năm; diện tích được hỗ trợ bằng 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương (1000 m² đối với đô thị, 1.500 m² đối với nông thôn), trường hợp diện tích thực tế bị thu hồi nhỏ hơn 05 lần hạn mức giao đất ở thì diện tích được hỗ trợ bằng diện tích thực tế bị thu hồi.

3. Giá đất ở trung bình của khu vực

Giá đất ở trung bình của khu vực được xác định bằng trung bình cộng của giá tất cả các thửa đất ở có trong khu vực bị thu hồi (giá các thửa đất ở do UBND tỉnh ban hành hàng năm theo quy định của Chính phủ). Giá đất ở trung bình của khu vực được xác định theo từng dự án thu hồi đất khác nhau.

Điều 7. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm:

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (có nguồn sống chính từ sản xuất nông nghiệp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại Điều 6, Quy định này mà không có đất để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp đang sử dụng còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo một trong các hình thức bằng tiền hoặc bằng đất ở hoặc nhà ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp như sau:

a) Hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp đối với phần diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của hộ gia đình, cá nhân.

Diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 70, Luật Đất đai.

b) Hỗ trợ một lần bằng một suất đất ở hoặc một căn hộ chung cư hoặc một suất đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khi có các điều kiện sau:

- Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ có nhu cầu nhận suất đất ở hoặc căn hộ chung cư hoặc suất đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp;
- Địa phương có điều kiện về quỹ đất ở, quỹ nhà ở;
- Số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm quy định tại điểm a khoản 1, Điều này phải bằng hoặc lớn hơn giá trị suất đất ở hoặc giá một căn hộ chung cư hoặc giá trị suất đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; phần chênh lệch được hỗ trợ bằng tiền.

Trường hợp số tiền hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất đất ở hoặc giá một căn hộ chung cư hoặc giá trị suất đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thì hộ gia đình, cá nhân chỉ được nhận bằng tiền.

2. Trường hợp người được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, Điều này có nhu cầu được đào tạo, học nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề và được miễn học phí đào tạo cho một khóa học đối với các đối tượng trong độ tuổi lao động.

Mức hỗ trợ học nghề bằng mức chi phí học nghề ngắn hạn theo quy định của pháp luật về dạy nghề.

Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các đối tượng chuyển đổi nghề nằm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

Tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng phối hợp với chủ đầu tư xây dựng và tổ chức thực hiện phương án đào tạo nghề, tạo việc làm cho các đối tượng bị thu hồi đất nông nghiệp.

Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề phải lấy ý kiến của người bị thu hồi đất thuộc đối tượng chuyển đổi nghề.

3. Những trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp sau khi quy hoạch được công bố hoặc các chủ trương thu hồi đất được công bố thì không áp dụng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều này.

Điều 8. Hỗ trợ khác:

Ngoài việc hỗ trợ theo quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6 và 7 của Quy định này; hộ gia đình, cá nhân thuộc các đối tượng sau đây được hỗ trợ một lần khi phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới, mức hỗ trợ được tính như sau:

1. Hỗ trợ đối tượng chính sách:

- Bà mẹ VNAH; Anh hùng LLVT : 5.000.000 đồng/hộ;
- Gia đình liệt sĩ; thương bệnh binh các hạng : 4.000.000 đồng/hộ;
- Người già neo đơn; gia đình có công cách mạng : 3.000.000 đồng/hộ.

* Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng nêu trên, thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ có lợi nhất.

* Các đối tượng trên phải có giấy chứng nhận theo quy định; riêng đối tượng là “gia đình liệt sĩ” tiền hỗ trợ sẽ chi trả trực tiếp cho người thờ phụng như: cha, mẹ, anh, chị, em, con,...

2. Hỗ trợ hộ nghèo:

Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo đã được UBND xã, phường, thị trấn xét, công nhận và được UBND cấp huyện phê duyệt danh sách hộ nghèo trên địa bàn, thì được hỗ trợ vốn sản xuất, kinh doanh để thoát nghèo. Mức hỗ trợ cho từng người trong hộ gia đình (có đăng ký thường trú hoặc tạm trú liên tục từ một (01) năm trở lên tại cấp xã nơi bị giải tỏa tính đến ngày công bố quyết định thu hồi đất chung), cụ thể như sau:

- Khu vực ở xã : 4.000.000 đồng/1 người,
- Khu vực ở phường (thị trấn) : 5.000.000 đồng/1 người.

3. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định:

Hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt và bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định theo thông báo của Tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tổng giá

trị bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và công trình, cây trồng và hoa màu từ 2.500.000 đồng trở lên thì được hỗ trợ, mức hỗ trợ là 4% trên tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, nhưng không quá các mức quy định sau:

- Hộ chỉ bị thiệt hại về đất: 1.000.000 đồng/hộ.
- Hộ bị thu hồi đất làm ảnh hưởng một phần nhà, công trình: 2.000.000 đồng/hộ.
- Hộ bị thu hồi cả nhà và đất (giải toả trắng): 5.000.000 đồng/hộ.

4. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn sống chính từ sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 44, 45, 46, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định bổ sung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (tổ chức được giao công tác giải phóng mặt bằng) xem xét và đề xuất biện pháp hỗ trợ; trình UBND tỉnh quyết định.

Chương III

VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT, GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 9. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất được giao cho Tổ chức Phát triển quỹ đất (nếu có) và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

1. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện được thành lập cho từng dự án và hoạt động cho đến khi hoàn tất công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng và giao đất cho chủ dự án thi công, kể cả việc tham gia giải quyết tồn tại, khiếu nại trong quá trình bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm:

- a) Đại diện cơ quan Tài chính;
- b) Đại diện cơ quan Tài nguyên và Môi trường;
- c) Đại diện cơ quan Kế hoạch và Đầu tư;
- d) Chủ đầu tư;
- đ) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có đất bị thu hồi;
- e) Đại diện của những hộ gia đình bị thu hồi đất từ một đến hai người;
- g) Một số thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

3. Trách nhiệm của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giúp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

b) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý của đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

c) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm về số liệu điều tra hiện trạng, mức dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng cho từng dự án sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Về thủ tục thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Căn cứ văn bản về chủ trương thu hồi đất hoặc văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; xác định và công bố danh sách các hộ dân, cơ quan đơn vị, tổ chức và tài sản phải di chuyển (nằm trong phạm vi thu hồi đất) và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng theo trình tự quy định.

5. Các thành viên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải ổn định ở từng huyện, thành phố chỉ thay đổi các thành phần là chủ đầu tư, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi và đại diện của những hộ dân bị thu hồi đất.

6. Chậm nhất là ngày 25 hàng tháng, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tổng hợp báo cáo tiến độ chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tiến độ giải phóng mặt bằng, các khó khăn vướng mắc và kiến nghị gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

7. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và sử dụng chi phí phục vụ công tác tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng tính trên chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Điều 10. Lập phương án tổng thể về bồi thường hỗ trợ, tái định cư; lập và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Lập phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 29 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và Điều 20 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cụ thể như sau:

a) Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là một nội dung của dự án đầu tư do nhà đầu tư lập và được phê duyệt cùng với phê duyệt dự án đầu tư. Nội dung phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm:

c) Thời gian thẩm định tối đa là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của phương án do Tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi đến.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bồi thường đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất có liên quan từ hai (02) huyện, thành phố trở lên;

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt phương án bồi thường đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất trong phạm vi một (01) đơn vị hành chính cấp huyện.

Tất cả phương án do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

Điều 12. Thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tự tổ chức việc thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí di dời và lắp đặt, xây dựng lại các công trình hạ tầng kỹ thuật như: công trình giao thông, điện, viễn thông, cấp, thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực thẩm định thì được phép thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra dự toán làm cơ sở cho việc phê duyệt.

3. Chi phí thuê thẩm định, thẩm tra dự toán (nếu có) được tính vào chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án.

Điều 13. Chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện) có trách nhiệm lập dự toán và báo cáo quyết toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng dự án theo hướng dẫn tại Điều 24, Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

2. Nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

a) Nội dung chi được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất. Căn cứ vào tình hình thực tế của từng dự án có thể trang bị thêm một số công cụ lao động để phục vụ cho công tác, nhưng phải đảm bảo tổng dự toán chi cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không được vượt quá mức quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. Đối với các mức chi mà Nhà

- Diện tích các loại đất dự kiến thu hồi;
- Tổng số người sử dụng đất trong khu vực dự kiến thu hồi đất;
- Dự kiến số tiền bồi thường, hỗ trợ; việc bố trí tái định cư (dự kiến về nhu cầu, địa điểm, hình thức tái định cư);
- Dự kiến thời gian và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng.

b) Trường hợp dự án đầu tư không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc không phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi có đất thu hồi có trách nhiệm xem xét, chấp thuận về phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng giúp nhà đầu tư lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Sau khi dự án đầu tư được xét duyệt hoặc chấp thuận thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm lập và trình phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại khoản 1,2,3, Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Cơ quan tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phân cấp sau đây:

- Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất có liên quan từ hai (02) huyện, thành phố trở lên;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất trong phạm vi một (01) đơn vị hành chính cấp huyện.

b) Nội dung thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, bao gồm:

- Căn cứ pháp lý để lập phương án;
- Tên, địa chỉ của người bị thu hồi đất; diện tích, loại đất, vị trí, nguồn gốc của thửa đất bị thu hồi; số lượng, khối lượng, tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của tài sản bị thiệt hại; các căn cứ tính toán số tiền bồi thường, hỗ trợ như giá đất tính bồi thường, giá nhà, công trình tính bồi thường, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội;
- Tổng số hộ dân phải di dời, hộ dân phải bố trí tái định cư, địa điểm, diện tích đất khu vực tái định cư, phương thức tái định cư; địa điểm di dời các công trình Nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư; địa điểm di dời mồ mả; biện pháp giải quyết việc làm và kế hoạch đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp;
- Dự toán tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án;
- Nguồn kinh phí thực hiện phương án;
- Tiến độ thực hiện phương án.

nước chưa có tiêu chuẩn định mức thì do Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định.

3. Tổng mức chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một dự án là 2% trên tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ. Đối với các dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến thì tổ chức được giao thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lập dự toán kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án theo khối lượng công việc thực tế.

4. Mức chi cho công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tính bằng 10% trên chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Cơ quan thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có trách nhiệm lập dự toán chi phí thông qua cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, trình UBND cùng cấp phê duyệt để thực hiện.

5. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường thực hiện phê duyệt dự toán và quyết định kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

Điều 14. Trình tự thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Bước 1: Kê khai, kiểm kê và xác định nguồn gốc đất

Thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Thời gian kê khai tối thiểu là năm (05) ngày kể từ ngày phát tờ kê khai. Thời gian tiến hành kiểm kê là 30 ngày làm việc đối với một dự án, trường hợp công trình có tính chất phức tạp hoặc khối lượng lớn thì thời gian kiểm kê có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 60 ngày làm việc.

Trường công an cấp xã xác nhận số lượng nhân khẩu; Chi cục trưởng Chi cục Thuế cấp huyện xác nhận mức lợi nhuận sau thuế (đối với tổ chức, hộ gia đình có đăng ký kinh doanh), nghĩa vụ tài chính về đất đai phải nộp; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi xác định nguồn gốc sử dụng đất, xác định các trường hợp được bồi thường, được hỗ trợ, được tái định cư trong thời gian không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

b) Bước 2: Lập, thẩm định và xét duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định tại Điều 9, 10 và 11 của Quy định này.

c) Bước 3: Tổ chức lấy ý kiến, thời gian niêm yết, tiếp nhận ý kiến đóng góp và hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Cơ quan ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Trường hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện thì Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ký quyết định bồi thường; trường hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi ký quyết định bồi thường.

Điều 15. Trình tự thủ tục thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất

Trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo quy định tại các Điều 29, 30 và 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP; một số nội dung được quy định cụ thể như sau:

1. Thông báo thu hồi đất

a) Căn cứ vào kết quả xử lý hồ sơ về đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo phân cấp) ra thông báo thu hồi đất; trong thông báo thu hồi đất phải thể hiện các nội dung sau:

- Các nội dung quy định tại khoản 2, Điều 29 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ;

- Giao nhiệm vụ cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Cho phép nhà đầu tư được tiến hành khảo sát, lập dự án đầu tư.

b) Thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp huyện là căn cứ pháp lý để Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và nhà đầu tư thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 nêu trên.

2. Nội dung thẩm định, xác nhận nhu cầu sử dụng đất

Việc thẩm định, xác nhận về nhu cầu sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ được quy định cụ thể như sau:

a) Nội dung thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đầu tư:

- Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; trường hợp chưa có quy hoạch sử dụng đất hoặc kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

- Đánh giá về yêu cầu sử dụng đất của dự án theo quy định hiện hành về tiêu chuẩn, định mức sử dụng đất. Đối với loại dự án chưa có quy định về tiêu chuẩn; định mức sử dụng đất thì cơ quan thẩm định căn cứ vào quy mô, tính chất dự án và khả năng đáp ứng về quỹ đất của địa phương để đánh giá.

b) Nội dung xác nhận nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 nêu trên và yêu cầu về diện tích sử dụng đất, mục đích sử dụng đất và khả năng đáp ứng về quỹ đất của địa phương.

3. Hồ sơ giao đất, cho thuê đất

a) Tổ chức xin giao đất, thuê đất để thực hiện dự án đầu tư phải lập hồ sơ và gửi hai (02) bộ cho Sở Tài nguyên và Môi trường, hồ sơ bao gồm:

- Văn bản (đơn) đề nghị giao đất hoặc thuê đất.

- Dự án đầu tư đã được xét duyệt hoặc chấp thuận.

Trường hợp thực hiện dự án thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, gốm sứ thì phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo

quy định của pháp luật. Trường hợp xin giao đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thì không phải nộp dự án đầu tư nhưng phải nộp trích sao quyết định đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất.

- Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được thẩm định; trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được tiến hành cùng với việc thẩm định hồ sơ giao đất, thuê đất.

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ giao đất, thuê đất để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

b) Đối với trường hợp giao đất, thuê đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì người xin giao đất, thuê đất lập hồ sơ và gửi hai (02) bộ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, hồ sơ bao gồm:

- Đơn xin giao đất, thuê đất.

- Văn bản xác nhận nhu cầu sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất.

- Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ giao đất, thuê đất cùng với việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Quy định về bàn giao đất

a) Khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư, người có đất bị thu hồi có trách nhiệm nộp (bản gốc) các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chuyển cho cơ quan tài nguyên và môi trường làm thủ tục thu hồi, chỉnh lý hoặc cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất không bị thu hồi.

b) Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày, kể từ ngày được thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì người có đất bị thu hồi phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Việc bàn giao đất giữa Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và người có đất bị thu hồi phải lập thành biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi. Trường hợp người được nhận bồi thường ủy quyền cho người khác nhận tiền bồi thường thì phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, Ban ngành tỉnh liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổ chức được giao làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chủ dự án đầu tư có thu hồi đất và các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các ngành, các cấp phải phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, xem xét và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Thành Hiệp